**PHỤ LỤC III**

BẢN GIỚI THIỆU VỀ NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2006/TT-BTM ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Thương mại)*

Bản giới thiệu về nhượng quyền thương mại này bao gồm một số thông tin cần thiết để bên dự kiến nhận quyền thương mại nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi ký hợp đồng nhượng quyền thương mại. Bên dự kiến nhận quyền cần lưu ý:

\* Nếu các bên không có thoả thuận khác, Bên dự kiến nhận quyền có ít nhất 15 ngày để nghiên cứu tài liệu này và các thông tin liên quan khác trước khi ký hợp đồng nhượng quyền thương mại.

\* Nghiên cứu kỹ Luật Thương mại, Nghị định số 35/2006/NĐ-CP và tài liệu này; thảo luận với những người nhận quyền khác đã hoặc đang kinh doanh theo phương thức nhượng quyền thương mại; tự đánh giá nguồn tài chính và khả năng của mình trong việc đáp ứng những yêu cầu đặt ra trong phương thức kinh doanh này.

\* Bên dự kiến nhận quyền nên tìm kiếm những tư vấn độc lập về mặt pháp lý, kế toán và kinh doanh trước khi ký hợp đồng nhượng quyền thương mại.

\* Bên dự kiến nhận quyền nên tham gia các khóa đào tạo, đặc biệt nếu trước đó bên dự kiến nhận quyền chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh.

**PHẦN A****[[42]](#_ftn42)**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ BÊN NHƯỢNG QUYỀN**

1. Tên thương mại của bên nhượng quyền.

2. Địa chỉ trụ sở chínhcủa bên nhượng quyền.

3. Điện thoại, fax (nếu có).

4. Ngày thành lập của bên nhượng quyền.

5. Thông tin về việc bên nhượng quyền là bên nhượng quyền ban đầu hay bên nhượng quyền thứ cấp.

6. Loại hình kinh doanh của bên nhượng quyền.

7. Lĩnh vực nhượng quyền.

8. Thông tin về việc đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại tại cơ quan có thẩm quyền[[43]](#_ftn43).

**II. NHÃN HIỆU HÀNG HÓA/DỊCH VỤ VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

1. Quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ và bất cứ đối tượng sở hữu trí tuệ nào của bên nhận quyền.

2. Chi tiết về nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ và quyền đối với đối tượng sở hữu trí tuệ được đăng ký theo pháp luật.

**PHẦN B****[[44]](#_ftn44)**

**I. THÔNG TIN VỀ BÊN NHƯỢNG QUYỀN**

1. Sơ đồ tổ chức bộ máy.

2. Tên, nhiệm vụ và kinh nghiệm công tác của các thành viên ban giám đốc của bên nhượng quyền.

3. Thông tin về bộ phận phụ trách lĩnh vực nhượng quyền thương mại của bên nhượng quyền.

4. Kinh nghiệm của bên nhượng quyền trong lĩnh vực kinh doanh nhượng quyền

5. Thông tin về việc kiện tụng liên quan tới hoạt động nhượng quyền thương mại của bên nhượng quyền trong vòng một (01) năm gần đây.

**II. CHI PHÍ BAN ĐẦU MÀ BÊN NHẬN QUYỀN PHẢI TRẢ**

1.  Loại và mức phí ban đầu mà bên nhận quyền phải trả.

2. Thời điểm trả phí.

3. Trường hợp nào phí được hoàn trả.

**III. CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH KHÁC CỦA BÊN NHẬN QUYỀN**

Đối với mỗi một loại phí dưới đây, nói rõ mức phí được ấn định, thời điểm trả phí và trường hợp nào phí được hoàn trả:

1. Phí thu định kỳ.

2. Phí quảng cáo.

3. Phí đào tạo.

4. Phí dịch vụ.

5. Thanh toán tiền thuê.

6. Các loại phí khác.

**IV. ĐẦU TƯ BAN ĐẦU CỦA BÊN NHẬN QUYỀN**

Đầu tư ban đầu bao gồm các thông tin chính sau đây:

1. Địa điểm kinh doanh.

2. Trang thiết bị.

3. Chi phí trang trí.

4. Hàng hoá ban đầu phải mua.

5. Chi phí an ninh.

6. Những chi phí trả trước khác.

**V. NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN QUYỀN PHẢI MUA HOẶC THUÊ NHỮNG THIẾT BỊ ĐỂ PHÙ HỢP VỚI HỆ THỐNG KINH DOANH DO BÊN NHƯỢNG QUYỀN QUY ĐỊNH**

1. Bên nhận quyền có phải mua những vật dụng hay mua, thuê những thiết bị, sử dụng những dịch vụ nhất định nào để phù hợp với hệ thống kinh doanh do bên nhượng quyền quy định hay không.

2. Liệu có thể chỉnh sửa những quy định của hệ thống kinh doanh nhượng quyền thương mại không.

3. Nếu được phép chỉnh sửa hệ thống kinh doanh nhượng quyền thương mại, nói rõ cần những thủ tục gì.

**VI. NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHƯỢNG QUYỀN**

1. Nghĩa vụ của bên nhượng quyền trước khi ký kết hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của bên nhượng quyền trong suốt quá trình hoạt động.

3. Nghĩa vụ của bên nhượng quyền trong việc quyết định lựa chọn mặt bằng kinh doanh.

4. Đào tạo:

a. Đào tạo ban đầu.

b. Những khoá đào tạo bổ sung khác.

**VII. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ ĐƯỢC KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

1. Bản mô tả về thị trường chung của hàng hóa/dịch vụ là đối tượng của hợp đồng nhượng quyền thương mại.

2. Bản mô tả về thị trường của hàng hóa/dịch vụ là đối tượng của hợp đồng nhượng quyền thương mại thuộc lãnh thổ được phép hoạt động của bên nhận quyền.

3. Triển vọng cho sự phát triển của thị trường nêu trên.

**VIII. HỢP ĐỒNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI MẪU**

1. Tên các điều khoản của hợp đồng.

2. Thời hạn của hợp đồng.

3. Điều kiện gia hạn hợp đồng.

4. Điều kiện để bên nhận quyền huỷ bỏ hợp đồng.

5. Điều kiện để bên nhượng quyền huỷ bỏ hợp đồng.

6. Nghĩa vụ của bên nhượng quyền/bên nhận quyền phát sinh từ việc huỷ bỏ hợp đồng.

7. Sửa đổi hợp đồng theo yêu cầu của bên nhượng quyền/bên nhận quyền.

8. Quy định về điều kiện chuyển giao hợp đồng nhượng quyền thương mại của bên nhận quyền cho thương nhân khác.

9. Trong trường hợp tử vong, tuyên bố không đủ điều kiện về bên nhượng quyền/bên nhận quyền.

**IX. THÔNG TIN VỀ HỆ THỐNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

1. Số lượng cơ sở kinh doanh của bên nhượng quyền đang hoạt động.

2. Số lượng cơ sở kinh doanh của bên nhượng quyền đã ngừng kinh doanh.

3. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền đã ký với các bên nhận quyền.

4. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền đã được bên nhận quyền chuyển giao cho bên thứ ba.

5. Số lượng các cơ sở kinh doanh của bên nhận quyền được chuyển giao cho bên nhượng quyền.

6. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền bị chấm dứt bởi bên nhượng quyền.

7. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền bị chấm dứt bởi bên nhận quyền.

8. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền không được gia hạn/được gia hạn.

**X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA BÊN NHƯỢNG QUYỀN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 01 năm gần nhất.

**XI.  PHẦN THƯỞNG, SỰ CÔNG NHẬN SẼ NHẬN ĐƯỢC HOẶC TỔ CHỨC CẦN PHẢI THAM GIA**

Chúng tôi cam kết rằng hệ thống kinh doanh dự kiến để nhượng quyền đã hoạt động được ít nhất một (01) năm; mọi thông tin trong tài liệu này và bất cứ thông tin bổ sung nào và các phụ lục đính kèm đều chính xác và đúng sự thật. Chúng tôi hiểu rằng việc đưa ra bất cứ thông tin gian dối nào trong tài liệu này là sự vi phạm pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện bên nhượng quyền**  (Ký tên và đóng dấu) |

[[1]](#_ftnref1) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp

[[2]](#_ftnref2) Ghi “Nhượng quyền ban đầu” hay “Nhượng quyền thứ cấp”

[[3]](#_ftnref3) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp

[[4]](#_ftnref4) Ghi tên nước, vùng lãnh thổ nhượng quyền trong trường hợp nhượng quyền từ Việt Nam ra nước ngoài

[[5]](#_ftnref5) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[6]](#_ftnref6) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp

[[7]](#_ftnref7) Ghi “Nhượng quyền ban đầu” hay “Nhượng quyền thứ cấp”

[[8]](#_ftnref8) Sử dụng Mẫu Sổ khổ A4, bìa cứng

[[9]](#_ftnref9) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp.

[[10]](#_ftnref10) Ghi “Nhượng quyền ban đầu” hay “Nhượng quyền thứ cấp”.

[[11]](#_ftnref11) Ghi tên nước, vùng lãnh thổ nhượng quyền trong trường hợp nhượng quyền từ Việt Nam ra nước ngoài.

[[12]](#_ftnref12) Ghi xoá đăng ký trong các trường hợp tại Mục IV của Thông tư này.

[[13]](#_ftnref13) Ghi thông tin mà thương nhân thay đổi

[[14]](#_ftnref14) Ghi ngày nhận được thông báo thay đổi thông tin của thương nhân

[[15]](#_ftnref15) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[16]](#_ftnref16) Sử dụng mẫu Sổ khổ A4, bìa cứng

[[17]](#_ftnref17) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp.

[[18]](#_ftnref18) Ghi “Nhượng quyền ban đầu” hay “Nhượng quyền thứ cấp”

[[19]](#_ftnref19) Giám đốc Sở Thương mại hoặc người được Giám đốc Sở uỷ quyền

[[20]](#_ftnref20) Ghi xoá đăng ký trong các trường hợp tại Mục IV của Thông tư này hoặc chuyển đăng ký trong trường hợp tại khoản 8 Mục II của Thông tư này.

[[21]](#_ftnref21) Ghi thông tin mà thương nhân thay đổi

[[22]](#_ftnref22) Ghi ngày nhận được thông báo thay đổi thông tin của thương nhân

[[23]](#_ftnref23) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[24]](#_ftnref24) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[25]](#_ftnref25) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[26]](#_ftnref26) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[27]](#_ftnref27) Giám đốc Sở Thương mại hoặc người được Giám đốc sở uỷ quyền

[[28]](#_ftnref28) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[29]](#_ftnref29) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[30]](#_ftnref30) Giám đốc Sở Thương mại hoặc người được Giám đốc sở uỷ quyền

[[31]](#_ftnref31) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[32]](#_ftnref32) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[33]](#_ftnref33) Giám đốc Sở Thương mại hoặc người được Giám đốc sở uỷ quyền

[[34]](#_ftnref34) Những tài liệu liên quan tới thay đổi

[[35]](#_ftnref35) Gửi cho thương nhân trong trường hợp thương nhân ngừng hoặc chuyển đổi ngànhnghề kinh doanh

[[36]](#_ftnref36) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[37]](#_ftnref37) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[38]](#_ftnref38) Giám đốc Sở Thương mại hoặc người được Giám đốc sở uỷ quyền

[[39]](#_ftnref39) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[40]](#_ftnref40) Lựa chọn ghi nội dung phù hợp với tên của Sở

[[41]](#_ftnref41) Giám đốc Sở Thương mại hoặc người được Giám đốc sở uỷ quyền

[[42]](#_ftnref42) Thương nhân phải thông báo với cơ quan đăng ký khi thay đổi nội dung thông tin trong Phần này theo hướng dẫn tại Mục III của Thông tư này.

[[43]](#_ftnref43) Thương nhân bổ sung thông tin này sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký có thẩm quyền

[[44]](#_ftnref44) Thương nhân định kỳ thông báo những nội dung trong Phần này cho cơ quan đăng ký có thẩm quyền chậm nhất là vào ngày 15/01 hàng năm.